

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 981/QĐ-ĐHTN ngày 20/5/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên về việc “Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên”.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, ĐT (Hi. 03b).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

QUY CHẾ

Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng 03 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên (sau đây gọi là Quy chế) quy định nguồn tuyển, chính sách ưu tiên, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, phương thức tuyển sinh; quy trình, nguyên tắc, yêu cầu; đăng ký xét tuyển, xét tuyển, xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, xác nhận nhập học, bảo lưu kết quả trúng tuyển; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ đại học của hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên.

2. Quy chế này áp dụng đối với Trường Đại học Tây Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh của Nhà trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phạm vi tuyển sinh* là các chương trình, ngành, nhóm ngành (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo) và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. *Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT)* là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung; là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học.

3. *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT* là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

4. *Cổng thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên* là trang thông tin điện tử (website) chính thức phục vụ cho công tác tuyển sinh. Cổng thông tin này hoạt động trên địa chỉ <https://tuyensinh.ttn.edu.vn>.

5. *Mã trường* trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh. Mã trường của Trường Đại học Tây Nguyên là TTN.

6. *Mã xét tuyển* là một mã quy ước định danh của một chương trình (hoặc một ngành, nhóm ngành, lĩnh vực) sử dụng thống nhất trong Trường, do Nhà trường tự quy ước, bao gồm ký tự số và ký tự chữ, tối đa không quá 09 ký tự.

7. *Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông* là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hằng năm.

8. *Kỳ thi bổ trợ* là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

9. *Thi trực tiếp* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

10. *Thi trực tuyến* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

11. *Phương thức tuyển sinh* là việc sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi độc lập (do đơn vị khác tổ chức), kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo.

12. *Quy đối tương đương* là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Nhà trường quy định, bảo đảm tương đương về

mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là độ lệch điểm).

13. *Tiêu chí đánh giá* là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

14. *Tiêu chí xét tuyển* là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét tuyển) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

15. *Trọng số tính điểm xét* của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.

16. *Dự tuyển* là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của Nhà trường.

17. *Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào* (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

18. *Điểm ưu tiên* là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.

19. *Điểm cộng* do Nhà trường xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào chương trình đào tạo bao gồm:

a) Điểm thưởng dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Quy chế này; mức điểm thưởng từ 0 - 3,00 điểm theo thang điểm 30;

b) Điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30;

c) Điểm khuyến khích dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.

20. *Xét tuyển thẳng* là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.

21. *Xét tuyển* là quy trình xử lý riêng tại Trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo theo các tiêu chí xét tuyển do Nhà trường xác định căn cứ theo các quy định của Quy chế này.

22. *Xử lý nguyện vọng* là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

23. *Điểm trúng tuyển* của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: thí sinh được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán, kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng, tin cậy về khả năng học tập, triển vọng thành công và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên vào chương trình đào tạo đã đăng ký mà đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Nhà trường thực hiện đầy đủ các cam kết đã thông báo đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh, bảo đảm quyền lợi tối đa cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Cạnh tranh lành mạnh, công bằng trong tuyển sinh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Nhà trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp;

b) Về trách nhiệm giải trình: Nhà trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với các bên liên quan qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh.

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Nhà trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Nhà trường thực hiện tất cả biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo; tổ chức xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển.

3. Nhà trường phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của Nhà trường và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Người dự tuyển quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển, trừ các đối tượng tại Khoản 1, Khoản 2 (điểm a, c, d, đ), Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của trường Đại học Tây Nguyên.

3. Nhà trường quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh trong Thông tin tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh hằng năm; đảm bảo tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Nguồn tuyển và phương thức tuyển sinh

1. Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30,

áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026; Mức điểm này không bao gồm điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và điểm thưởng.

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 (điểm a, c, d, đ), Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

2. Điểm cộng gồm có:

- Điểm thưởng: dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Quy chế này:

| STT | Thành tích | Điểm thưởng |
|-----|---|-------------|
| 1 | Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển | |
| a | Thí sinh đạt giải nhất | 3 |
| b | Thí sinh đạt giải nhì | 2.5 |
| c | Thí sinh đạt giải ba | 2 |
| 2 | Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển. | |
| a | Thí sinh đạt giải nhất | 3 |
| b | Thí sinh đạt giải nhì | 2.5 |
| c | Thí sinh đạt giải ba | 2 |
| 3 | Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển. | 2.5 |
| 4 | Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển. | 2.5 |

| STT | Thành tích | Điểm thưởng |
|------------|---|--------------------|
| 5 | Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển. | |
| a | Thí sinh đạt giải nhất | 3 |
| b | Thí sinh đạt giải nhì | 2.5 |
| c | Thí sinh đạt giải ba | 2 |

- Điểm xét thưởng: Dành cho các thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt, mức điểm xét thưởng được quy định như sau:

| TT | Thành tích | Điểm xét thưởng |
|-----------|--|------------------------|
| 1 | Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển; | 1.5 |
| 2 | Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển; | |
| a | Thí sinh đạt huy chương vàng | 1.5 |
| b | Thí sinh đạt huy chương bạc | 1 |
| c | Thí sinh đạt huy chương đồng | 0.5 |
| 3 | Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển; | 1.5 |
| 4 | Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển. | |
| a | Thí sinh đạt giải nhất | 1.5 |
| b | Thí sinh đạt giải nhì | 1 |
| c | Thí sinh đạt giải ba | 0.5 |
| 5 | Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (hoặc tương đương), thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển. | |

| TT | Thành tích | Điểm xét thưởng |
|-----------|------------------------|------------------------|
| a | Thí sinh đạt giải nhất | 1 |
| b | Thí sinh đạt giải nhì | 0.75 |
| c | Thí sinh đạt giải ba | 0.5 |

- Điểm khuyến khích: dành cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế mà không sử dụng để quy đổi thành môn Ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển.

| TT | Thành tích (theo bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh quy đổi tại Khoản 4, Điều này) | Điểm xét thưởng |
|-----------|---|------------------------|
| 1 | Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế quy đổi tương ứng với mức điểm từ 9,00 đến 10 | 1.5 |
| 2 | Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế quy đổi tương ứng với mức điểm từ 8,00 đến 8,99 | 1 |
| 3 | Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế quy đổi tương ứng với mức điểm từ 7,00 đến 7,99 | 0.5 |

- Trong trường hợp thí sinh được đạt được nhiều thành tích theo quy định tại Khoản này, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm cộng cao nhất theo quy định trên;

- Các mức điểm cộng được quy định trong Khoản này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và điểm xét môn ngoại ngữ tương ứng

Chỉ chấp nhận các chứng chỉ Tiếng Anh được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông; Điểm quy đổi của thí sinh được xác định theo Phụ lục III của quy chế này.

5. Phương thức tuyển sinh và các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển:

Nhà trường sử dụng 04 phương thức tuyển sinh dành cho các đối tượng là học sinh phổ thông, 01 phương thức tuyển sinh dành cho đối tượng là người đã

có bằng tốt nghiệp trình độ từ trung cấp trở lên và 02 phương thức tuyển sinh dành cho các đối tượng đặc thù khác, cụ thể:

a, Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT:

- Thang điểm đánh giá: 30 điểm;
- Tổ hợp dùng xét tuyển gồm có 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn Toán hoặc Văn;
- Hệ số của các môn trong tổ hợp xét tuyển là 01;
- Điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển (nếu có) được phép quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh theo quy định tại Khoản 4 của Điều này, thí sinh không được hưởng điểm khuyến khích tương ứng với các chứng chỉ được sử dụng để quy đổi (theo quy định tại Khoản 3 Điều này); Trong trường hợp thí sinh vừa được quy đổi điểm vừa có kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh, điểm môn tiếng Anh được xác định là điểm cao nhất mà thí sinh đạt được.

b, Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT:

- Thang điểm đánh giá: 30 điểm.
- Tổ hợp dùng xét tuyển gồm có 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn Toán hoặc Văn.
- Hệ số của các môn trong tổ hợp xét tuyển là 01.
- Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30; Trong trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.
- Điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển (nếu có) được phép quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh theo quy định tại Khoản 4 của Điều này, thí sinh không được hưởng điểm khuyến khích tương ứng với các chứng chỉ được sử dụng để quy đổi (theo quy định tại Khoản 3 Điều này); Trong trường hợp thí sinh vừa được quy đổi điểm vừa có kết quả học tập bậc THPT môn Tiếng Anh, điểm môn tiếng Anh được xác định là điểm cao nhất mà thí sinh đạt được.

c, Phương thức xét tuyển kết hợp kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT và kết quả kỳ thi bổ trợ (thi năng khiếu) để xét tuyển:

- Thang điểm đánh giá: Thang điểm 30.

- Tổ hợp xét tuyển gồm có 3 môn, trong đó phải có môn Văn hoặc Toán và có tối thiểu 01 môn thi của kỳ thi bổ trợ phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

- Hệ số của các môn trong tổ hợp xét tuyển là 01.

d, Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi độc lập (do các đơn vị khác tổ chức) để xét tuyển:

- Chỉ sử dụng kết quả kỳ thi độc lập của các đơn vị tổ chức kỳ thi đánh giá kiến thức các môn văn hóa bậc THPT để xét tuyển (thông qua bài thi tổng hợp hoặc từng bài thi riêng biệt).

- Thang điểm xét tuyển: Theo thang điểm được quy định trong đề án tổ chức thi của đơn vị tổ chức kỳ thi độc lập.

- Tổ hợp xét tuyển được xác định một trong hai cách sau:

Cách 01: Điểm của bài thi tổng hợp (đối với đơn vị tổ chức theo bài thi tổng hợp);

Cách 02: Điểm của 03 môn thi, trong đó có điểm Toán hoặc Văn, phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo (áp dụng đối với đơn vị tổ chức theo bài thi riêng biệt).

đ, Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa (ở trình độ trung cấp / cao đẳng / đại học) để xét tuyển:

- Đây là phương thức xét tuyển chỉ dành riêng cho xét tuyển đào tạo liên thông đối với người có bằng tốt nghiệp từ trình độ Trung cấp trở lên (theo thông tin tuyển sinh), không áp dụng với các đối tượng xét tuyển khác.

- Thang điểm xét tuyển: Thang điểm 30;

- Các tính điểm tổ hợp xét tuyển:

Điểm tổ hợp xét tuyển được quy đổi từ điểm trung bình chung học tập hệ số 10 sang thang điểm 30 theo công thức:

Điểm tổ hợp = Điểm trung bình chung hệ số 10 x 3

Trong trường hợp không xác định được điểm trung bình chung hệ số 10, điểm tổ hợp xét tuyển được xác định như sau:

Quy đổi từ điểm trung bình chung hệ số 4:

Điểm tổ hợp = Điểm trung bình chung hệ số 4 x 2,5 x 3

Quy đổi từ xếp loại tốt nghiệp (chỉ áp dụng trong trường hợp không xác định được điểm trung bình chung hệ số 10 và điểm trung bình chung hệ số 4):

Điểm tổ hợp = Điểm quy đổi x 3; trong đó điểm quy đổi được xác định theo bảng sau:

| Xếp loại tốt nghiệp | Trung bình | Trung bình khá | Khá | Giỏi | Xuất sắc |
|----------------------------|-------------------|-----------------------|------------|-------------|-----------------|
| Điểm quy đổi | 5,00 | 6,50 | 7,00 | 8,00 | 9,00 |

e, Phương thức xét tuyển thẳng, dành cho thí sinh đủ điều kiện tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

g, Phương thức xét chuyển học sinh dự bị đại học lên đại học: Dành cho các thí sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, do các cơ sở đào tạo dự bị đại học xét chuyển đến theo chỉ tiêu đã được trường Đại học Tây Nguyên thông báo (theo từng cơ sở đào tạo dự bị đại học).

6. Cách thức tính điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển của thí sinh được xác định như sau:

Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp + Điểm ưu tiên + Điểm cộng; Trong đó:

Điểm tổ hợp: Xác định theo quy định tại Khoản 5 của Điều này;

Điểm ưu tiên: Xác định theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

Điểm cộng: Theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa đang theo thang điểm xét tuyển, trong trường hợp điểm xét tuyển của thí sinh vượt quá thang điểm xét tuyển thì điểm xét tuyển bằng điểm tối đa của thang xét tuyển.

7. Một chương trình đào tạo có thể sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển; trong trường hợp này được quy định như sau:

- Độ lệch điểm được xây dựng theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đảm bảo tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

- Không quy định mã xét tuyển, số lượng xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển (trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo Điều 8 của quy chế này và chỉ tiêu xét chuyên học sinh từ dự bị đại học lên đại học).

8. Nhà trường chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ, độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

9. Đối với tuyển sinh của các chương trình đào tạo đặc thù, đào tạo đặt hàng theo các đề án, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo đề án.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b Khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại Khoản 1, 2 Điều này

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào tất cả các chương trình đào tạo của trường Đại học Tây Nguyên.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải (theo phụ lục IV); cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

3. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, Hiệu trưởng xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

4. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh thuộc các trường hợp dưới đây đạt ngưỡng đầu vào theo quy định, được cộng điểm thưởng hoặc điểm xét thưởng theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 của quy chế này:

a) Thí sinh quy định tại Khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các chương trình đào tạo nghệ thuật phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

5. Kế hoạch, đối tượng, số lượng tuyển sinh, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển sẽ được Nhà trường công bố cụ thể trong Thông tin tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh hàng năm.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên

1. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật sử dụng phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trung học nghề thực hiện theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối

với chương trình đào tạo giáo viên và chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật áp dụng Khoản 1 Điều này hoặc:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với các chương trình đào tạo Giáo dục thể chất;

3. Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề áp dụng Khoản 1 Điều này hoặc:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10, trừ các trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

4. Tổng điểm 03 môn thi THPT theo quy định tại Khoản 2, 3 của Điều này không bao gồm điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng), điểm cộng theo quy định;

5. Thí sinh là vận động viên cấp 1, vận động viên kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Giáo dục thể chất có điểm thi năng khiếu do trường Đại học Tây Nguyên tổ chức đạt loại xuất sắc (có điểm trung bình các môn thi năng khiếu đạt từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

6. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật trừ các trường hợp quy định tại điểm b Khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Giáo dục Thể chất ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

7. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn, không áp dụng ngưỡng đầu vào.

8. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Nhà trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, không thấp hơn quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 của Điều này.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại Khoản 1 gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới trường Đại học Tây Nguyên. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả không quá 36 tháng đối với người quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện thủ tục nhập học theo quy định của Nhà trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp có thời gian bảo lưu 36 tháng, Thí sinh được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Trường Đại học Tây Nguyên xây dựng, công bố, thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, điểm cộng, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Cung cấp đủ thông tin để thí sinh lựa chọn chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường;

b) Nhà trường chịu sự giám sát của Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh gồm có:

a) Giới thiệu về Nhà trường, chương trình đào tạo tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn (theo Phụ lục V của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với các chương trình đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân bổ người học theo học chương trình đào tạo của cơ

sở đào tạo đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành, ngành có nhiều chương trình đào tạo cùng một mức điểm trúng tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của trường Đại học Tây Nguyên.

3. Thông tin tuyển sinh, nội dung điều chỉnh, độ lệch điểm, số lượng tuyển sinh chính thức, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tại thông tin tuyển sinh (phụ lục VI) phải công bố trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm của Bộ GDĐT; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Chương II

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh

1. Thành viên Hội đồng tuyển sinh

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thành phần hội đồng tuyển sinh gồm có:

- Chủ tịch hội đồng tuyển sinh: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền;
- Phó chủ tịch hội đồng tuyển sinh: Phó Hiệu trưởng
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Đào tạo.
- Ủy viên: Trưởng hoặc Phó trưởng phòng, Trưởng hoặc Phó trưởng khoa có liên quan đến thi tuyển sinh; Cán bộ tuyển sinh, Cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) có đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Tây Nguyên không được tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng tuyển sinh trong năm có người thân đăng ký xét tuyển.

2. Nhiệm vụ và Quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a) Nhiệm vụ chung của Hội đồng tuyển sinh

- Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

- Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- Tổng kết công tác tuyển sinh; đề xuất khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm.

b) Nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh

- Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn để giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban chuyên môn phải là thành viên Hội đồng tuyển sinh.

c) Nhiệm vụ của Phó chủ tịch hội đồng tuyển sinh

Phó Chủ tịch hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch hội đồng tuyển sinh uỷ quyền.

Điều 13. Ban thư ký hội đồng tuyển sinh và các ban chuyên môn

1. Thành phần ban thư ký hội đồng tuyển sinh

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;
- b) Các uỷ viên: Một số cán bộ Phòng Đào tạo, khoa, phòng liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban thư ký hội đồng tuyển sinh

- a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm, cách thức đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;
- b) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của Nhà trường theo quy định;
- c) Lập phương án xét tuyển trình hội đồng tuyển sinh quyết định; xử lý công tác xét tuyển theo kết luận của Hội đồng tuyển sinh;
- d) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

3. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn

a) Các Ban chuyên môn gồm: Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban làm Phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo. Đối với Ban đề thi, Trưởng ban do lãnh đạo trường đảm trách, lãnh đạo đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức thi là ủy viên thường trực.

b) Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn được quy định tại các Quy chế thi của Nhà trường.

Chương III

KỲ THI BỔ TRỢ

Điều 14. Kỳ thi bổ trợ

Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức kỳ thi năng khiếu cho ngành Giáo dục thể chất và Giáo dục mầm non, lấy kết quả thi làm một tiêu chí để xét tuyển.

Tùy theo điều kiện cụ thể trong năm tuyển sinh, kỳ thi năng khiếu có thể được tổ chức bằng một trong các hình thức sau:

- + Thi trực tiếp;
- + Thi trực tuyến.

Điều 15. Tổ chức thi bổ trợ

Căn cứ các quy định hiện hành, Hiệu trưởng ban hành Quy chế thi năng khiếu của trường Đại học Tây Nguyên, đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Quy chế thi năng khiếu của trường Đại học Tây Nguyên được hội đồng khoa học và Đào tạo thông qua và Hiệu trưởng ký ban hành, là căn cứ để thực hiện các công tác trước, trong và sau kỳ thi.

2. Nội dung của quy chế thi phải bao gồm:

- a) Phạm vi tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự thi;
- b) Hình thức thi, đề thi và các nội dung liên quan khác;
- c) Các quy trình tổ chức kỳ thi và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia;
- d) Các biện pháp bảo mật và chống gian lận trong kỳ thi;
- đ) Chế độ công khai, báo cáo, lưu trữ;

e) Công tác kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

3. Quy chế thi phải được tập huấn cho tất cả những người tham gia công tác thi và phổ biến đầy đủ cho thí sinh dự thi.

Chương IV

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 16. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Kế hoạch xét tuyển, các thông báo xét tuyển được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường theo quy định.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Nhà trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển.

Tùy theo điều kiện thực tế, Nhà trường tổ chức cho thí sinh đăng ký thông qua các hình thức sau:

- + Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường hoặc thông qua bưu điện;
- + Đăng ký trực tuyến thông qua cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

2. Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống;

Thí sinh đã trúng tuyển theo kế hoạch xét tuyển thẳng phải thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng (thí sinh không đăng ký theo kế hoạch chung, Nhà trường xem như thí sinh từ chối được xét tuyển theo phương thức này; Trừ trường hợp thí sinh là người nước ngoài, không có điều kiện đăng ký theo kế hoạch chung).

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng thực hiện xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

5. Nhà trường không yêu cầu thí sinh cam kết nhập học dưới mọi hình thức hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 18. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống

1. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

2. Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

3. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

4. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí các kỳ bổ trợ, kỳ thi độc lập) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do các trường Đại học Tây Nguyên quy định hoặc theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 19. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Nhà trường tổ chức xét tuyển các phương thức và tiêu chí xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm theo hướng dẫn lịch trình xét tuyển, hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống, Nhà trường tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT (trung học nghề), kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (trung

học nghề), điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề), kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, điểm chứng chỉ ngoại ngữ, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố theo nguồn tuyển và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

đ) Nhà trường có thể quy định các tiêu chí phụ khác làm điều kiện cần để xét tuyển và không sử dụng làm tiêu chí phân loại thí sinh ở Điểm c, Khoản này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) lên Hệ thống. Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Ban thư ký hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh lập

lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh trình Hiệu trưởng quyết định điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Ban thư ký tải danh sách và trình Hiệu trưởng quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo đúng thông tin công bố trong thông tin tuyển sinh.

Điều 20. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển các đợt bổ sung và công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào một cơ sở đào tạo bất kỳ có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển); gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

4. Nhà trường có thể công bố xét tuyển đợt bổ sung ngay sau khi có kết quả thí sinh xác nhận nhập học các đợt nếu số thí sinh xác nhận nhập học các đợt thấp hơn số lượng tuyển sinh của cơ sở đào tạo công bố trong tuyển sinh đợt 1; việc xét tuyển bổ sung phải đảm bảo số lượng tuyển sinh công bố trong các đợt bổ sung không được vượt quá số lượng tuyển sinh đã công bố ở đợt 1; mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

CHƯƠNG V

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

Điều 21. Tổ chức đăng ký và xét tuyển

1. Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh đã công bố, Nhà trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển (theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường).

2. Căn cứ theo thông tin tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, các quy định về nguồn tuyển, phương thức xét tuyển, ngưỡng đầu vào, các quy định về điểm thưởng, điểm ưu tiên; Nhà trường tiến hành xét tuyển theo nguyên tắc quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Quy chế này và tiến hành gọi thí sinh nhập học.

3. Tùy tình hình tuyển sinh thực tế, có thể tuyển sinh nhiều đợt trong năm và thông báo cụ thể trên trang thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

CHƯƠNG VI

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VÀ TỔ CHỨC NHẬP HỌC

Điều 22. Thông báo kết quả xét tuyển

Căn cứ theo kết quả xét tuyển, Nhà trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển) trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường; giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố;

Nhà trường thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học thông qua một trong các hình thức:

- + Gửi giấy báo trúng tuyển thông qua bưu điện;
- + Gửi thông báo đến thí sinh qua các kênh: Tin nhắn (SMS Brandname DHTayNguyen), Thư điện tử (từ địa chỉ email có đuôi @ttn.edu.vn hoặc @ms.ttn.edu.vn) hoặc qua các nền tảng mạng xã hội có chức năng nhắn tin (Zalo, Facebook, Telegram...).

Điều 23. Tổ chức nhập học

1. Xác nhận nhập học

Thí sinh trúng tuyển trong đợt xét tuyển chung phải xác nhận nhập học trên Hệ thống trước khi nhập học trong thời theo thời gian quy định.

Đối với thí sinh không xác nhận nhập học trên hệ thống trong thời gian quy định:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và Nhà trường có quyền không tiếp nhận;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Nhà trường có thể xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh, việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);

c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Nhà trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học.

Thí sinh đã xác nhận nhập học không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng cho phép;

Thí sinh trúng tuyển các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh trúng tuyển hình thức đào tạo thường xuyên thực hiện theo hướng dẫn của Nhà trường (nếu có), trong trường hợp không có yêu cầu thì không phải xác nhận nhập học.

2. Nhập học

Căn cứ kế hoạch xét tuyển, Hiệu trưởng thành lập ban tiếp đón sinh viên; xây dựng kế hoạch, quy trình, phân công cán bộ, đảm bảo thuận lợi cho sinh viên nhập học và thực hiện đúng các quy định hiện hành.

Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và thực hiện thủ tục nhập học theo hướng dẫn của Trường khi đến nhập học.

Cán bộ tiếp đón sinh viên phải kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh theo

hướng dẫn nhập học.

Thí sinh nhập học muộn quá 15 ngày kể từ ngày bắt đầu nhập học mà không có lí do chính đáng, coi như tự ý bỏ học.

Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học.

Nhà trường từ chối cho nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển (bao gồm cả dữ liệu do thí sinh cung cấp thông qua cổng xét tuyển sinh chung của Bộ giáo dục và Đào tạo, dữ liệu thí sinh cung cấp thông qua Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường cũng như thông qua các phương thức khác theo thông báo).

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Nhà trường, không đăng ký nguyện vọng vào những chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có); tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Tự chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh khi sử dụng kết quả các kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập (do các đơn vị khác tổ chức) hoặc các tổ chức nước ngoài tổ chức kỳ thi độc lập;

đ) Hoàn thành thanh toán mức thu dịch vụ tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển theo quy định của Nhà trường.

2. Trách nhiệm của Trường Đại học Tây Nguyên

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông

tin, dữ liệu tuyển sinh lên Hệ thống;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các đơn vị khác, nếu có) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn, hướng dẫn thí sinh; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để hạn chế thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến Nhà trường hoặc chuyển đi do sai sót khách quan trong tuyển sinh;

d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật;

g) Chủ động tạm dừng tuyển sinh và báo cáo Bộ GDĐT việc tạm dừng tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo khi không đủ điều kiện duy trì tổ chức thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành, không đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan;

h) Trừ trường hợp thay đổi chính sách tuyển sinh theo quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường công bố công khai việc điều chỉnh phương thức tuyển sinh tối thiểu trước 12 tháng;

i) Đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi độc lập trong xét tuyển đại học (nếu có).

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là viên chức, tùy theo mức độ sẽ

bị xử lý theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản mới có liên quan hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân gửi góp ý bằng văn bản về phòng Đào tạo để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Trong trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo có các hướng dẫn khác với các nội dung được quy định trong quy chế này thì áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Phụ lục I
KHU VỰC ƯU TIÊN

*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
của trường Đại học Tây Nguyên)*

| Khu vực | Mô tả khu vực và điều kiện |
|------------------------------------|---|
| Khu vực 1 (KV1) | Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền. |
| Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) | Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3. |
| Khu vực 2 (KV2) | Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1). |
| Khu vực 3 (KV3) | Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương. |

Phụ lục II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN
(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên)

| Đối tượng | Mô tả đối tượng, điều kiện |
|------------------|---|
| <i>Nhóm 1</i> | |
| 01 | Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1 |
| 02 | a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định. |
| 03 | a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng. |
| <i>Nhóm 2</i> | |
| 04 | a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày. |
| 05 | a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%. |
| 06 | a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe. |

Phụ lục III
BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH SANG ĐIỂM MÔN NGOẠI NGỮ
*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
của trường Đại học Tây Nguyên)*

| TT | TOELF ITP | TOELF iBT | TOEIC 4 kỹ năng | | | | IELTS | Cambridge Assessment English | Aptis ESOL | PEIC | PTE Academic / VEPT | Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam | Điểm quy đổi (thang 10) |
|----|-----------|-----------|-----------------|-----|-----|------|-------|------------------------------|------------|---------------------------------|---------------------|--|-------------------------|
| | | | Nghe | Đọc | Nói | Viết | | | | | | | |
| 1 | 627 | 102 | 470 | 470 | 180 | 180 | 7.5 | 180 | 160 | Level 4 (Pass with Merit) | 66 | 7 | 10 |
| 2 | 602 | 94 | 442 | 442 | 171 | 171 | 7.0 | 174 | 149 | Level 4 (Pass) | 63 | 6.8 | 9.5 |
| 3 | 576 | 86 | 414 | 414 | 163 | 163 | 6.5 | 169 | 137 | Level 3 (Pass with Distinction) | 60 | 6.6 | 9 |
| 4 | 551 | 77 | 386 | 386 | 154 | 154 | 6.0 | 163 | 126 | Level 3 (Pass with Merit) | 56 | 6.4 | 8.5 |
| 5 | 526 | 69 | 359 | 359 | 146 | 146 | 5.5 | 157 | 114 | Level 3 (Pass) | 53 | 6.2 | 8 |
| 6 | 501 | 61 | 331 | 331 | 137 | 137 | 5.0 | 151 | 103 | Level 2 (Pass with Distinction) | 50 | 5.9 | 7.5 |
| 7 | 475 | 53 | 303 | 303 | 129 | 129 | 4.5 | 146 | 91 | Level 2 (Pass with Merit) | 46 | 5.7 | 7 |
| 8 | 450 | 45 | 275 | 275 | 120 | 120 | 4 | 140 | 80 | Level 2 (Pass) | 43 | 5.5 | 6.5 |

- Mức điểm theo quy định ở trên là mức điểm tối thiểu đạt được;
- Chỉ chấp nhận các chứng chỉ Tiếng Anh được phép sử dụng trong xét tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không chấp nhận các chứng chỉ khác.

Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP VỚI MÔN THI;
NỘI DUNG ĐỀ TÀI HOẶC NGHỀ DỰ THI, THI ĐẤU ĐẠT GIẢI SỬ DỤNG
TRONG XÉT TUYỂN THẲNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
của trường Đại học Tây Nguyên)

| TT | Môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải | Tên ngành đào tạo |
|-----------|--|---------------------------|
| 1 | Toán, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Toán học | Sư phạm Toán học |
| 2 | Vật lí, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Vật lí | Sư phạm Vật lí |
| | | Sư phạm Khoa học tự nhiên |
| 3 | Hóa học, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Hóa học | Sư phạm Hóa học |
| | | Sư phạm Khoa học tự nhiên |
| | | Công nghệ thực phẩm |
| 4 | Sinh học, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Sinh học | Sư phạm Sinh học |
| | | Sư phạm Khoa học tự nhiên |
| | | Công nghệ sinh học |
| | | Y khoa |
| | | Điều dưỡng |
| | | Kỹ thuật xét nghiệm y học |
| | | Khoa học cây trồng |
| | | Chăn nuôi |
| | | Thú y |
| Lâm sinh | | |
| 5 | Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn |
| | | Văn học |
| 6 | Tin học, các đề tài liên quan đến lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin |
| 7 | Tiếng Anh | Sư phạm Tiếng Anh |
| | | Ngôn ngữ Anh |
| 8 | Đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận. | Giáo dục mầm non |

| TT | Môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải | Tên ngành đào tạo |
|----|--|---------------------|
| 9 | Tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á | Giáo dục thể chất |
| 10 | Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế về lĩnh vực Công nghệ thông tin do Bộ GDĐT cử tham gia | Công nghệ thông tin |

Phụ lục V

THÔNG TIN TUYỂN SINH

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM.....

(Hình thức đào tạo:¹⁾)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:**
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh**
- 3. Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử**
- 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
- 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo²** (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...)

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

- 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**
- 2. Mô tả phương thức tuyển sinh³** (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
- 3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
- 4. Số lượng tuyển sinh**

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã chương trình, | Tên chương trình, | Số lượng | Phương thức tuyển sinh | Ghi chú |
|----|--------------|---|------------------|-------------------|----------|------------------------|---------|
|----|--------------|---|------------------|-------------------|----------|------------------------|---------|

| | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 1. | | | | | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | | | | | |
| 3. | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | |

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ,
địa chỉ email)

Đắk Lắk, ngày..... thángnăm.....

HIỆU TRƯỞNG

¹ Chính quy/đào tạo thường xuyên (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

² Theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công khai các thông tin về hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

³ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

^{4,5} Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Phụ lục VI
THÔNG TIN TUYỂN SINH CẬP NHẬT
(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
của trường Đại học Tây Nguyên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM CẬP NHẬT

(Hình thức đào tạo:)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:**
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh**
- 3. Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử**
- 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh³** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
- 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh cập nhật

- Ngưỡng đầu vào
- Điểm trúng tuyển

2. Số lượng tuyển sinh cập nhật

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

| TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã chương trình, ngành, nhóm ngành | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành | Số lượng tuyển sinh | Phương thức tuyển sinh | Ghi chú |
|----|--------------|---|------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---|---------|
| 1. | | | | | | - Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3... | |
| 2. | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|
| 3. | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ,
địa chỉ email)

Đắk Lắk, ngày..... thángnăm.....
HIỆU TRƯỞNG